

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	11,400 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.5%	3.6%	-2.7%

Hệ số nguy cơ phá sản	2.87
Z - score (sản xuất)	(Baa2)
2023	Cảnh báo

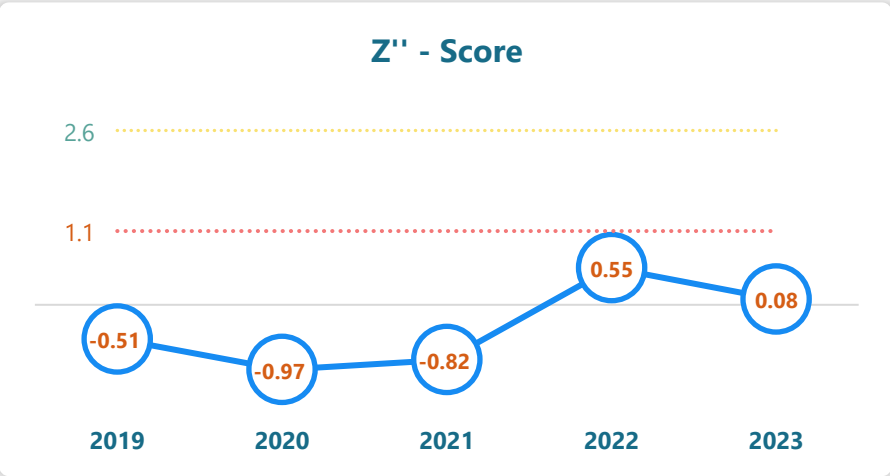
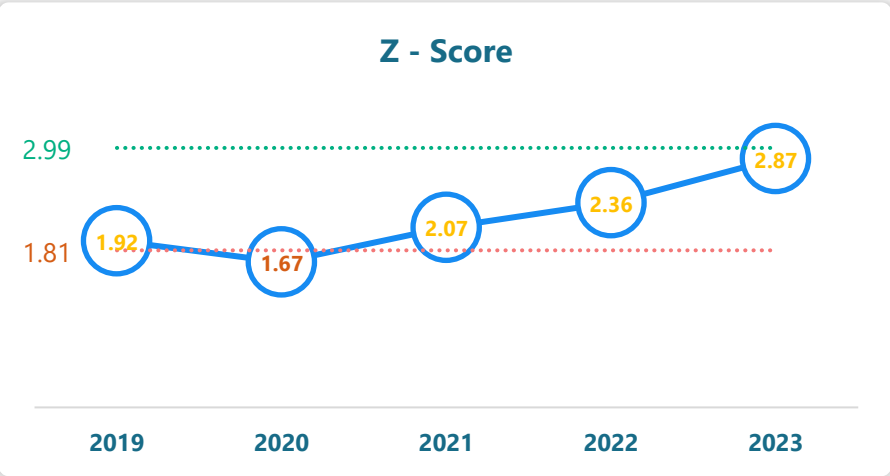
Hệ số nguy cơ phá sản	0.08
Z'' - score (phi sản xuất)	(Caa1)
2023	Nguy hiểm

DT thuần	2023	2,697	YoY
tỷ VNĐ			▼ 105
			▼ 3.7%

LN sau thuế	2023	53.0	YoY
tỷ VNĐ			▼ 36.6
			▼ 40.9%

ROE	2023	16.2%	+/- YoY
			▼ 14.9%

ROA	2023	4.2%	+/- YoY
			▼ 2.6%



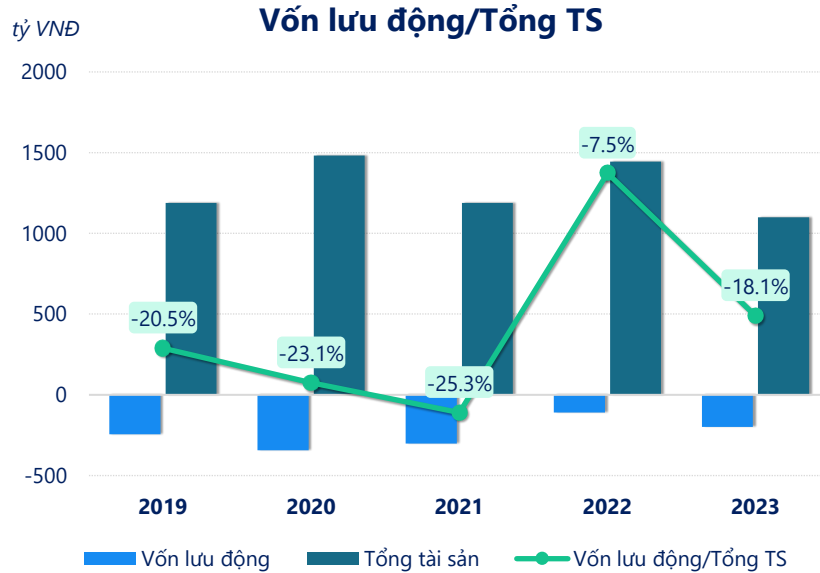
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Z-Score của MDC năm 2023 đạt 2.87, phản ánh sự không ổn định trong các yếu tố tài chính. Là một tín hiệu cảnh báo về mức độ rủi ro phá sản tăng dần.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Z''-Score của MDC năm 2023 đạt 0.08, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất cao, điều này cho thấy tình hình tài chính bất ổn rủi ro cao về thanh toán nợ.

Kết quả kinh doanh MDC năm 2023, doanh thu thuần đạt 2,697 tỷ đồng giảm 3.72%, lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 40.9% chỉ còn 52.96 tỷ đồng.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức ROE đạt 16.2% cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

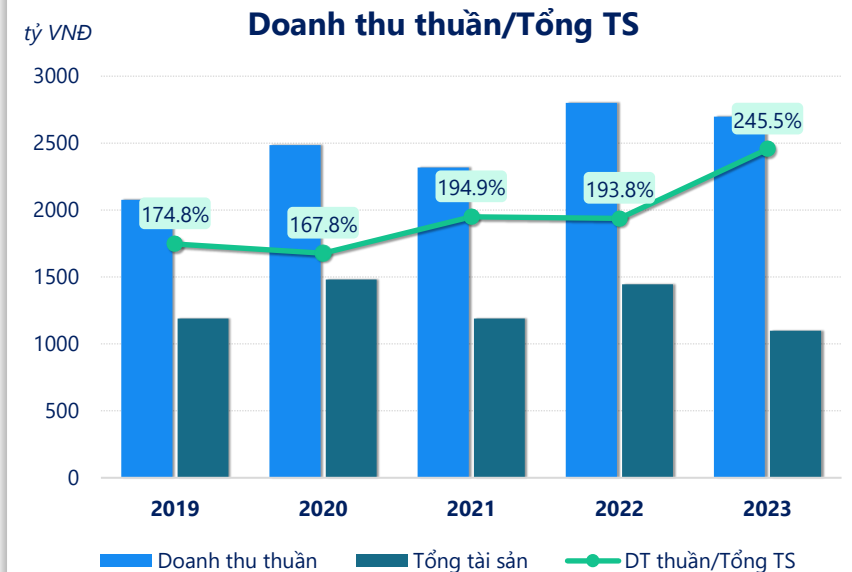
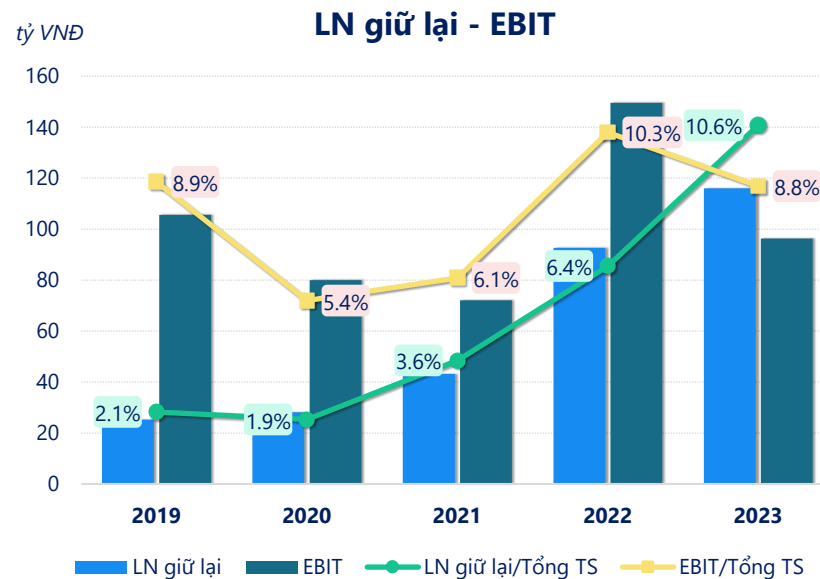
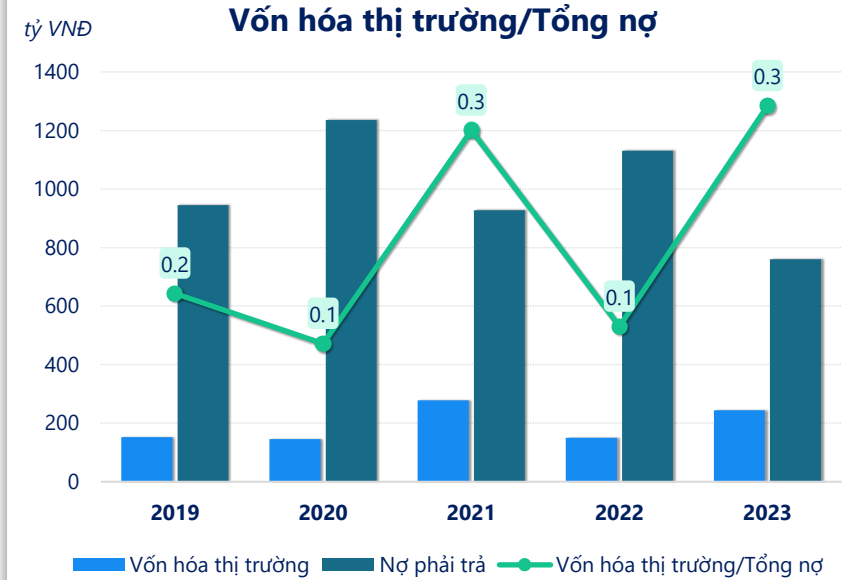
CTCP Than Mông Dương - Vinacomin (HNX: MDC)



Vốn lưu động < 0 và giảm so với năm trước là một dấu hiệu đáng lo ngại về thanh khoản và tài chính của công ty. Có thể công ty đang gặp phải tình hình tài chính không ổn định. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Mặc dù tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ bằng $0.32 < 1$ cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa giá trị thị trường và nợ. Nhưng sự tăng lên của tỷ lệ này so với năm trước có thể phản ánh sự cải thiện trong triển vọng kinh doanh của công ty.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,031	1,445	-28.7%
Tài sản ngắn hạn	376	758	-50.5%
Tiền và tương đương tiền	3.15	4.55	-30.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	279	626	-55.5%
Hàng tồn kho	57.6	63.3	-9.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.2	64.0	-43.4%
Tài sản dài hạn	655	687	-4.6%
Phải thu dài hạn	9.91	9.04	9.6%
Tài sản cố định	489	512	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	9.46	-89.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	156	156	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	693	1,131	-38.7%
Nợ ngắn hạn	561	867	-35.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	276	290	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	262	-46.1%
Nợ dài hạn	132	263	-49.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	118	250	-52.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	338	315	7.3%
Vốn chủ sở hữu	338	315	7.3%
Vốn điều lệ	214	214	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,077	2,485	2,318	2,802	2,697
Giá vốn hàng bán	1,841	2,290	2,114	2,496	2,434
Lợi nhuận gộp	236	195	204	305	263
Doanh thu HĐTC	0.70	0.72	0.77	0.79	0.87
Chi phí TC	51.5	46.9	37.5	34.2	28.9
Chi phí lãi vay	61.8	51.8	37.5	34.2	28.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.0	13.7	15.4	20.7	18.4
Chi phí QLDN	99.9	108	119	138	150
LN thuần từ HĐKD	68.3	26.4	33.5	113	66.6
Lợi nhuận khác	-24.4	1.68	1.14	2.32	0.86
LN trước thuế	43.9	28.1	34.6	115	67.4
Lợi nhuận sau thuế	25.2	28.1	30.3	89.6	53.0
LNST của CĐ cty mẹ	25.2	28.1	30.3	89.6	53.0

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	251	32.3	289	37.0	207
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-122	-71.6	-113	-84.4	-47.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-128	39.1	-174	47.7	-161
Tiền đầu kỳ	2.41	3.21	2.98	4.34	4.55
Lưu chuyển tiền thuần	0.80	-0.23	1.36	0.21	-1.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.21	2.98	4.34	4.55	3.15